

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2020

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020



UBCK, Hsx

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Toà nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2020

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

Mẫu B01-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/3/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		819,646,598,233	797,143,548,843
I. Tài sản tài chính	110		818,737,824,310	796,626,284,258
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	V.1	6,930,517,623	5,258,334,299
1.1 Tiền	111.1		6,930,517,623	5,258,334,299
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	V.3a	29,759,180	37,448,250
3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	V.3b	230,665,230,000	130,000,000,000
4. Các khoản cho vay	114	V.3c	6,246,432,034	2,125,252,509
5. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115	V.3d	565,109,886,000	648,974,936,255
6. Các khoản phải thu	117		9,294,650,966	9,762,486,033
6.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	V.4a	9,294,650,966	9,762,486,033
7. Trả trước cho người bán	118	V.4b	455,000,000	466,900,000
8. Các khoản phải thu khác	122	V.4c	6,348,507	926,912
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		908,773,923	517,264,585
1. Tạm ứng	131		108,275,000	105,000,000
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	V.5a	800,498,923	412,264,585
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	200		26,214,180,609	27,832,464,067
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		19,620,403,679	21,393,936,827
Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	19,464,537,011	21,229,720,160
- Nguyên giá	222		24,698,263,950	24,698,263,950
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(5,233,726,939)	(3,468,543,790)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	155,866,668	164,216,667
- Nguyên giá	228		167,000,000	167,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(11,133,332)	(2,783,333)
- Đánh giá TSCĐVH theo giá trị hợp lý	229b		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240	V.8	4,637,109,900	4,637,109,900
V. Tài sản dài hạn khác	250		1,956,667,030	1,801,417,340
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		135,000,000	10,000,000
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	V.5b	1,698,358,401	1,671,417,340
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	V.9	123,308,629	120,000,000
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		845,860,778,842	824,976,012,910

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Toà nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2020

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/3/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		5,056,596,418	4,344,717,379
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		5,056,596,418	4,344,717,379
1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318			8,756,249
2. Phải trả người bán ngắn hạn	320			136,316,178
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	V.10	4,997,370,997	3,101,424,604
4. Phải trả người lao động	323		3,249,829	1,003,249,836
5. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324	V.11	52,837,143	28,048,401
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	V.12		66,136,950
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		3,138,449	785,161
			-	-
II. Nợ phải trả dài hạn	340		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		840,804,182,424	820,631,295,531
I. Vốn chủ sở hữu	410		840,804,182,424	820,631,295,531
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.13	855,000,000,000	855,000,000,000
1.1 Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		855,000,000,000	855,000,000,000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		355,000,000,000	355,000,000,000
b. Cổ phiếu ưu đãi	411.1b		500,000,000,000	500,000,000,000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		-	-
1.3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn	411.3		-	-
			-	-
1.4. Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		-	-
1.5. Cổ phiếu quỹ (*)	411.5		-	-
2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412		-	-
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413		-	-
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		-	-
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		-	-
6. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		-	-
2. Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế)	417	V.14	(14,195,817,576)	(34,368,704,469)
2.1. Lợi nhuận đã thực hiện (lỗ lũy kế)	417.1		(14,204,602,699)	(34,385,178,662)
2.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		8,785,123	16,474,193
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		845,860,778,842	824,976,012,910

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Tòa nhà Horizon Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2020

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

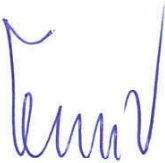
Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/3/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Nợ khó đòi đã xử lý	004	V.15a	16,958,809,906	16,958,809,906
2. Cổ phiếu đang lưu hành	006	V.13	85,500,000	85,500,000
3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	V.15b	20,720,000	20,720,000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			-	-
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	V.15c	4,376,408	1,444,818
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		3,506,843	722,409
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2			709,449
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		-	-
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		-	-
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		869,565	-
c. Tài sản tài chính chờ cho vay	021.6			12,960
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	V.15c	7	-
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		7	-
b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		-	-
c. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	022.3		-	-
d. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	022.4		-	-
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023		-	-
4. Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của Nhà đầu tư	024a		-	-
5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	024b		-	-
6. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025	V.15c	2,715	-
2. Tiền gửi của khách hàng	026	V.15d	21,686,734,583	1,432,712,392
2.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		21,686,004,698	1,431,746,643
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	029.1		-	-
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		-	-
2.2. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		729,885	965,749
3. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	V.15e	21,686,734,583	1,432,712,392
3.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		21,686,734,583	1,432,712,392

Thành phố Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2020



NGUYỄN NGÔ THỊ THU PHƯƠNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



PHẠM THỊ VÂN
Kế toán trưởng

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Toà nhà Horizon Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2020

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

Mẫu B02-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 Năm nay	Lũy kế từ đầu năm	Quý 1 Năm trước	Lũy kế từ đầu năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG						
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		7,645,693,551	7,645,693,551	4,536,348	4,536,348
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	VI.1	7,645,568,051	7,645,568,051		
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL	01.2				4,536,348	4,536,348
c. Có tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	VI.3	125,500	125,500		
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	VI.3	4,522,363,015	4,522,363,015	2,122,431,506	2,122,431,506
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	VI.3	92,087,905	92,087,905		
1.4. Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	04	VI.3	18,770,200,744	18,770,200,744		
1.5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	VI.4	66,623,250	66,623,250		
1.6. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08	VI.4	98,000	98,000		
1.7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	VI.4	2,128,966	2,128,966		
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 + 11)	10		31,099,195,431	31,099,195,431	2,126,967,854	2,126,967,854
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG						
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		7,689,070	7,689,070	2,051,788	2,051,788
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	VI.1				
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	VI.2	7,689,070	7,689,070	2,051,788	2,051,788
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26	VI.5	940,729,551	940,729,551		
2.7. Chi phí môi giới chứng khoán	27	VI.5	31,523,328	31,523,328		
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	VI.5	2,325,107	2,325,107		
2.12. Chi phí các dịch vụ khác	32	VI.5	91,500,003	91,500,003		
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 + 32)	40		1,073,767,059	1,073,767,059	2,051,788	2,051,788
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH						
Doanh thu, dự thu có tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	VI.6	19,341,442	19,341,442	11,101,200	11,101,200
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 + 44)	50		19,341,442	19,341,442	11,101,200	11,101,200
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	VI.7	4,962,983,662	4,962,983,662	310,243,997	310,243,997
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20+50-40-60-61-62)	70		25,081,786,152	25,081,786,152	1,825,773,269	1,825,773,269
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC						
8.1. Thu nhập khác	71		3	3		
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71-72)	80		3	3	-	
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		25,081,786,155	25,081,786,155	1,825,773,269	1,825,773,269
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		25,089,475,225	25,081,786,155	1,823,288,709	1,823,288,709
9.2. Lợi nhuận (lỗ) chưa thực hiện	92		(7,689,070)	(7,689,070)	2,484,560	2,484,560
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		4,908,899,262	4,908,899,262	-	
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	VI.8	4,908,899,262	4,908,899,262		
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-			
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		20,172,886,893	20,172,886,893	1,825,773,269	1,825,773,269
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300					
XIII. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500					
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501	VI.9a	236	236	118	118
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	502	VI.9b	236	236	118	118

Thành phố Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2020



NGUYỄN NGÔ THỊ THU PHƯƠNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

PHẠM THỊ VÂN
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Tòa nhà Horizon Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2020

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

Mẫu B03a-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 năm nay	Lũy kế từ đầu năm nay	Quý 1 năm trước	Lũy kế từ đầu năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01		(2,600,655,070,879)	(2,600,655,070,879)		
2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02		2,595,104,044,841	2,595,104,044,841		
5. Tiền lãi đã thu	05		6,376,589,631	6,376,589,631	11,101,200	11,101,200
6. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07		(867,488,665)	(867,488,665)		
7. Tiền chi trả cho người lao động	08		(2,015,890,708)	(2,015,890,708)		
9. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09		(3,286,784,233)	(3,286,784,233)		
10. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các tài sản tài chính	10		(377,645,200)	(377,645,200)		
11. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11		2,897,563,694,273	2,897,563,694,273	4,399,452,055	4,399,452,055
12. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12		(2,890,169,265,736)	(2,890,169,265,736)	(258,463,327)	(258,463,327)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1,672,183,324	1,672,183,324	4,152,089,928	4,152,089,928
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	21	VII				-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	-	-	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-	-	-
IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ	50		1,672,183,324	1,672,183,324	4,152,089,928	4,152,089,928
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		5,258,334,299	5,258,334,299	2,393,344,426	2,393,344,426
Tiền	61	V.1	5,258,334,299	5,258,334,299	2,393,344,426	2,393,344,426
Các khoản tương đương tiền	62					-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	63			-		-
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)			6,930,517,623	6,930,517,623	6,545,434,354	6,545,434,354
Tiền	71	V.1	6,930,517,623	6,930,517,623	6,545,434,354	6,545,434,354

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 năm nay	Lũy kế từ đầu năm nay	Quý 1 năm trước	Lũy kế từ đầu năm trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng						
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		102,607,615,800	102,607,615,800	-	-
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(119,522,709,000)	(119,522,709,000)	-	-
6. Chi trả vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	06					
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		37,167,223,012	37,167,223,012	-	-
8. Nhận tiền gửi của Nhà đầu tư cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng	08					
9. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	09		2,128,243	2,128,243	-	-
10. Thu lỗi giao dịch chứng khoán	10					
11. Chi lỗi giao dịch chứng khoán	11					

12.	Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	12		35,353,946	35,353,946	-	-
13.	Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	13		(35,589,810)	(35,589,810)	-	-
	Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ	20		20,254,022,191	20,254,022,191	-	-
II.	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30		1,432,712,392	1,432,712,392	-	-
	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31	V.15d	1,432,712,392	1,432,712,392	-	-
	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		1,431,746,643	1,431,746,643	-	-
	- Tiền gửi của tổ chức phát hành	35		965,749	965,749	-	-
III.	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)	40		21,686,734,583	21,686,734,583	-	-
	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41	V.15d	21,686,734,583	21,686,734,583	-	-
	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		21,686,004,698	21,686,004,698	-	-
	- Tiền gửi của tổ chức phát hành	45		729,885	729,885	-	-



NGUYỄN NGÔ THỊ THU PHƯƠNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

PHẠM THỊ VÂN
Kế toán trưởng

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Tòa nhà Horizon Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2020

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

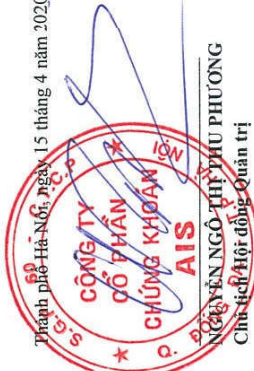
MÃU B04-CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/ giảm		Số cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
I. Biến động vốn chủ sở hữu							
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	V.13	155,000,000,000	855,000,000,000	-	-	155,000,000,000	855,000,000,000
1.1. Có phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		155,000,000,000	355,000,000,000	-	-	155,000,000,000	355,000,000,000
1.2. Có phiếu ưu đãi		-	500,000,000,000	-	-	-	500,000,000,000
2. Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế)	V.14	(45,900,368,084)	(34,368,704,469)	1,825,773,269	-	(44,074,594,815)	(14,195,817,576)
2.1. Lợi nhuận đã thực hiện (lỗ lũy kế)		(45,912,075,167)	(34,385,178,662)	1,823,288,709	-	(44,088,786,458)	(14,204,602,699)
2.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		11,707,083	16,474,193	2,484,560	-	14,191,643	8,785,123
Cộng		109,099,631,916	820,631,295,531	1,825,773,269	-	110,925,405,185	840,804,182,424

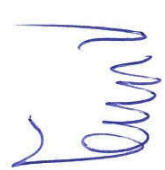
II. Thu nhập toàn diện khác

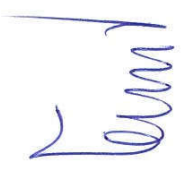
Cộng

Thành phố Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2020



NGUYỄN NGỌC THỊ THU PHƯƠNG
Chủ tịch/Hội đồng Quản trị


PHẠM THỊ VÂN
Kế toán trưởng


PHẠM THỊ VÂN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Tòa nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2020

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Mẫu B 09 -CTCK

I. ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán AIS tên giao dịch là AIS Securities Joint Stock Company, tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Dương, được thành lập và hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh chứng khoán số 60/UBCK-GP ngày 18 tháng 9 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

- Giấy phép điều chỉnh số 04/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 01 năm 2019, chuẩn y cho việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Ngô Thị Thu Phương, chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty;
- Giấy phép điều chỉnh số 28/GPĐC-UBCK ngày 7 tháng 5 năm 2019, chuẩn y cho việc thay đổi tên Công ty từ “Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Dương” sang “Công ty Cổ phần Chứng khoán AIS”, tên giao dịch là AIS Securities Joint Stock Company và thay đổi địa điểm trụ sở chính từ “Tầng 3, số 2B-2C Hồ Xuân Hương, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh” đến “Tầng 10, Tòa nhà Horison Tower, số 40 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội”;
- Giấy phép điều chỉnh số 69/GPĐC-UBCK ngày 21 tháng 11 năm 2019, chuẩn y cho việc nâng vốn điều lệ Công ty từ 155,000,000,000 VND lên 855,000,000,000 VND.

• **Vốn pháp định** : 85,000,000,000 VND

• **Vốn điều lệ** : 855,000,000,000 VND

• **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Tầng 10, Tòa nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : (84-08) 243 568 3555

Fax : (84-08) 243 212 1615

Mã số thuế : **0 3 0 5 1 9 1 6 5 5**

2. Ngành, nghề kinh doanh

Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán.

3. Hạn chế đầu tư của công ty chứng khoán

Theo Điều 44 Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về “Hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán” và các sửa đổi bổ sung theo Thông tư 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 như sau:

- 1) Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Toà nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2020

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- 2) Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- 3) Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
- 4) Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - c) Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - d) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - e) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - g) Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- 5) Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại Điểm c, d và đ Khoản 4 Điều này. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty thực hiện;
 - b) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);
 - c) Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 42 Thông tư này và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều này và Điểm e Khoản 4 Điều này.
- 6) Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều này tối đa trong thời hạn một (01) năm.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Toà nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2020

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm đầu tiên bắt đầu từ ngày 18 tháng 9 năm 2007 được cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh chứng khoán và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là kỳ kế toán năm thứ 13 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về “Sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210”, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Hội đồng Quản trị đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của các công ty chứng khoán.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán yêu cầu Hội đồng Quản trị có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng Quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán được trình bày tại Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính (ngoài bảng).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Toà nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2020

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Tài sản tài chính

a) Phân loại tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại dựa trên bản chất và mục đích sở hữu vào ngày mua, bao gồm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS).

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Tài sản tài chính FVTPL bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL.

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty. Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL phát sinh sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên chỉ tiêu “Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL” nếu chênh lệch tăng, hoặc trên chỉ tiêu “Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL” nếu chênh lệch giảm.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư HTM là các tài sản tài chính phi phát sinh có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ các tài sản tài chính phi phát sinh đã được phân loại vào nhóm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán hoặc nhóm tài sản tài chính phi phát sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau khi ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính đó trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phát sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc xác định, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành áp dụng cho Công ty chứng khoán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của khoản cho vay đó trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Toà nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2020

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính AFS các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán; hoặc không được phân loại là các khoản cho vay và các khoản phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau khi ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty, trừ trường hợp các tài sản tài chính là công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị của nó không thể xác định một cách đáng tin cậy, tiếp tục ghi nhận theo giá gốc.

Chênh lệch đánh giá lại phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên chỉ tiêu “Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán” thuộc khoản mục “Thu nhập (lỗ) toàn diện khác sau thuế TNDN”.

b) Đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Hội đồng quản trị chấp nhận. Cụ thể:

- Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là mức giá thu thập được từ các nguồn thông tin tham chiếu mà Hội đồng quản trị đánh giá rằng mức giá này thể hiện giá thị trường của các chứng khoán này.
- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị ghi sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá chứng khoán.

c) Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Toà nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2020

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - + Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản; hoặc
 - + Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn chưa được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

d) Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên chỉ tiêu “Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)” hoặc chỉ tiêu “Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại”.

Phân loại lại do thay đổi dự định nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Nếu tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại vào nhóm cho vay và phải thu, trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và các khoản tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải được định giá theo giá hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên chỉ tiêu “Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)” hoặc chỉ tiêu “Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại”.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Toà nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2020

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu bao gồm phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu phí cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn cho nhà đầu tư, lãi dự thu về dịch vụ tài chính, và các khoản phải thu về dịch vụ khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá, đã mở thủ tục pháp sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Công ty khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 như sau:

Thời gian quá hạn

Mức trích dự phòng

Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ trên một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ trên hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Tăng hoặc giảm dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

6. Các hợp đồng mua lại và bán lại

Các hợp đồng mua lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi tăng trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Các hợp đồng bán lại

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là khoản tài sản trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại trong tương lai được ghi nhận là thu nhập lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại. Đối với các cam kết quá hạn, phần chênh lệch này không được dự thu và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty thực hiện.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Toà nhà Horizon Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2020

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	3 - 5
Tài sản cố định khác	5 - 6

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm kế toán, là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ dần từ 3 tháng đến 3 năm vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ theo phương pháp đường thẳng, bao gồm: cước internet, chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác.

10. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh khoản tiền ký quỹ Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán với Sở Giao dịch chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán còn bao gồm các khoản trả phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán và các khoản phải trả khác.

11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.
- Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Toà nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2020

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu từ đầu tư chứng khoán, góp vốn

Doanh thu từ đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của CTCK (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu cổ tức cổ phiếu được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ tính và ghi nhận, phân bổ theo thời gian cung cấp dịch vụ.

Doanh thu tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi ích mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý, nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí các năm trước; khoản nợ phải trả hay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại và các khoản thu nhập khác.

14. Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động bao gồm lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, chi phí hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Toà nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2020

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chi phí dự phòng tài sản tài chính, chi phí đi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản thuộc danh mục đầu tư Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán, bao gồm: các tài sản tài chính FVTPL, các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay và phải thu, các tài sản tài chính AFS.

Chi phí hoạt động tự doanh

Chi phí hoạt động tự doanh phản ánh các chi phí hoạt động của Công ty chứng khoán phát sinh khi tự tiến hành các dịch vụ mua bán các chứng khoán cho chính mình bằng nguồn vốn của chính Công ty chứng khoán.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ trực tiếp của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí môi giới chứng khoán, chi phí tư vấn, chi phí hoạt động đầu giá, ủy thác, chi phí lưu ký chứng khoán và chi phí khác.

15. Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

Chi phí quản lý Công ty chứng khoán dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác dùng cho hoạt động quản lý.

16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Toà nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2020

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

18. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tiền

Đơn vị tính: VND

	31/3/2020	01/01/2020
Tiền mặt tại quỹ		
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	6,930,517,623	5,258,334,299
Cộng	6,930,517,623	5,258,334,299

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
a) Của CTCK	44,096,421	5,185,076,236,440
Trái phiếu	43,726,421	4,905,515,341,440
Chứng khoán khác	370,000	279,560,895,000
b) Của Nhà đầu tư	18,522,365	235,236,975,800
Cổ phiếu	18,521,905	235,235,454,200
Chứng khoán khác	460	1,521,600
Cộng	62,618,786	5,420,313,212,240

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Toà nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2020

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Các loại tài sản tài chính

a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (FVTPL)

	31/03/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	20,974,057	29,759,180	20,974,057	37,448,250
Cộng	20,974,057	29,759,180	20,974,057	37,448,250

Các cổ phiếu niêm yết của Công ty được đánh giá và ghi nhận theo phương pháp giá trị hợp lý thông qua lãi/ lỗ để phản ánh đầy đủ giá trị của các khoản đầu tư tại ngày Báo cáo tài chính.

b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	31/3/2020	01/01/2020
Chứng chỉ tiền gửi	230,665,230,000	130,000,000,000
Cộng	230,665,230,000	130,000,000,000

Công ty mua các chứng chỉ tiền gửi kỳ hạn 12 tháng do Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPB FC) phát hành, lãi suất 9,25%/năm.

c) Các khoản cho vay

	31/3/2020	01/01/2020
Cho vay hoạt động ký quỹ	5,012,056,216	2,060,791,472
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	1,234,375,818	64,461,037
Cộng	6,246,432,034	2,125,252,509

d) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	31/3/2020	01/01/2020
Trái phiếu chưa niêm yết	565,109,886,000	541,824,236,255
Chứng chỉ tiền gửi		107,150,700,000
Cộng	565,109,886,000	648,974,936,255

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Toà nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2020

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

	31/3/2020	01/01/2020
a) Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	9,294,650,966	9,762,486,033
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	9,294,650,966	9,762,486,033
b) Trả trước cho người bán	455,000,000	466,900,000
c) Các khoản phải thu khác	6,348,507	926,912
Các khoản phải thu khác	6,348,507	926,912
Cộng	9,755,999,473	10,230,312,945

5. Chi phí trả trước

a) Ngắn hạn	800,498,923	412,264,585
Cước internet	299,498,925	35,200,000
Công cụ dụng cụ		133,936,000
Phí đường truyền kết nối		120,378,588
Chi phí khác	500,999,998	122,749,997
b) Dài hạn	1,698,358,401	1,671,417,340
Cước internet	43,751,195	4,714,284
Công cụ dụng cụ	1,654,607,206	1,649,662,219
Chi phí khác		17,040,837
Cộng	2,498,857,324	2,083,681,925

6. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	MMTB	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên Giá			
Số đầu năm	23,185,335,500	1,512,928,450	24,698,263,950
Tăng trong kỳ			
Giảm trong kỳ			
Số cuối năm	23,185,335,500	1,512,928,450	24,698,263,950
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	3,297,069,375	171,474,415	3,468,543,790
Tăng trong kỳ	1,689,536,721	75,646,428	1,765,183,149
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	<i>1,689,536,721</i>	<i>75,646,428</i>	<i>1,765,183,149</i>
Giảm trong kỳ			
Số cuối năm	4,986,606,096	247,120,843	5,233,726,939

Giá trị còn lại

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Toà nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2020

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số đầu năm	19,888,266,125	1,341,454,035	21,229,720,160
Số cuối năm	18,198,729,404	1,265,807,607	19,464,537,011

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán của Công ty, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

Chỉ tiêu	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên Giá		
Số đầu năm	167,000,000	167,000,000
Tăng trong kỳ		
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối năm	167,000,000	167,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số đầu năm	2,783,333	2,783,333
Tăng trong kỳ	8,349,999	8,349,999
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	<i>8,349,999</i>	<i>8,349,999</i>
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối năm	11,133,332	11,133,332
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	164,216,667	164,216,667
Số cuối năm	155,866,668	155,866,668

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/3/2020	01/01/2020
Phần mềm giao dịch chứng khoán	4,637,109,900	4,637,109,900
Cộng	4,637,109,900	4,637,109,900

9. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	31/3/2020	01/01/2020
Tiền nộp ban đầu	120,000,000	120,000,000
Tiền lãi phân bổ hàng năm	3,308,629	
Cộng	123,308,629	120,000,000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Toà nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2020

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Stt	Chỉ tiêu	01/01/2020	Số phải nộp	Số đã nộp	31/3/2020
1	Thuế GTGT bán hàng nội địa	12,023		12,023	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,013,194,436	4,908,899,262	3,013,194,436	4,908,899,262
3	Thuế thu nhập cá nhân	88,218,145	273,831,364	273,577,774	88,471,735
4	Các loại thuế khác		3,000,000	3,000,000	-
	<i>Thuế môn bài</i>		<i>3,000,000</i>	<i>3,000,000</i>	-
	Cộng	3,101,424,604	5,185,730,626	3,289,784,233	4,997,370,997

- Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

- Thuế suất áp dụng:

+ *Hoạt động chính của Công ty không thuộc diện chịu thuế GTGT*

+ *Hoạt động khác chịu thuế suất 10%*

• **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.8

• **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế theo qui định hiện hành.

11. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên

	31/3/2020	01/01/2020
Kinh phí công đoàn	50,705,271	28,048,401
Bảo hiểm xã hội	2,131,872	
Cộng	52,837,143	28,048,401

12. Chi phí phải trả

Chi phí hoạt động phải trả	66,136,950
Cộng	66,136,950

13. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp	855,000,000,000	855,000,000,000
Cộng	855,000,000,000	855,000,000,000

Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	85,500,000	85,500,000
-------------------------------------	------------	------------

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Toà nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2020

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	85,500,000	85,500,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	35,500,000	35,500,000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	50,000,000	50,000,000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	85,500,000	85,500,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	35,500,000	35,500,000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	50,000,000	50,000,000
Mệnh giá cổ phiếu (VND)	10,000	10,000

14. Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế)

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Lỗ lũy kế đầu năm	(34,368,704,469)	(45,900,368,084)
Lãi đã thực hiện trong kỳ/ năm	20,180,575,963	1,823,288,709
Lãi (lỗ) chưa thực hiện trong kỳ/năm	(7,689,070)	2,484,560
Số cuối kỳ	(14,195,817,576)	(44,074,594,815)

15. Chỉ tiêu mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính**a) Nợ khó đòi đã được xử lý**

	31/3/2020	01/01/2020
Phải thu bán các tài sản tài chính	5,886,534,000	5,886,534,000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	7,585,015,448	7,585,015,448
Các khoản phải thu khác	3,159,160,458	3,159,160,458
Tạm ứng	327,100,000	327,100,000
Cộng	16,958,809,906	16,958,809,906

b) Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) của CTCK (theo mệnh giá)

Sàn HNX	2,570,000	2,570,000
Sàn HOSE	17,010,000	17,010,000
Sàn UPCOM	1,140,000	1,140,000
Cộng	20,720,000	20,720,000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Toà nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2020

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

c) Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

	31/3/2020	01/01/2020
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	3,506,843	722,409
Tài sản tài chính chờ thanh toán	869,565	
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	7	
Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	2,715	
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		709,449
Tài sản tài chính chờ cho vay		12,960
Cộng	4,379,130	1,444,818

d) Tiền gửi của Nhà đầu tư

Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	21,686,734,583	1,432,712,392
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>21,686,004,698</i>	<i>1,431,746,643</i>
<i>Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán</i>	<i>729,885</i>	<i>965,749</i>
Cộng	21,686,734,583	1,432,712,392

e) Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	21,686,734,583	1,432,712,392
Cộng	21,686,734,583	1,432,712,392

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Toà nhà Horizon Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2020

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Đơn vị tính: VND

1. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này năm nay	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này năm trước
Lãi bán						
Kỳ này năm nay	11,296,614		1,189,817,899,946	1,182,172,331,895	7,645,568,051	-
Trái phiếu niêm yết	11,296,614		1,189,817,899,946	1,182,172,331,895	7,645,568,051	-
Kỳ này năm trước						
Cộng					7,645,568,051	-

2. Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo sổ sách kế toán	Giá thị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này	Chênh lệch đánh giá lại kỳ trước	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán kỳ này	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
Cổ phiếu niêm yết	20,974,057	29,759,180	8,785,123	16,474,193	(7,689,070)		(7,689,070)
Cộng	20,974,057	29,759,180	8,785,123	16,474,193	(7,689,070)	-	(7,689,070)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Toà nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2020

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Từ tài sản tài chính FVTPL	7,645,693,551	4,536,348
Từ các khoản đầu tư HTM	4,522,363,015	2,122,431,506
Từ tài sản tài chính AFS	18,770,200,744	-
Cộng	30,938,257,310	2,126,967,854

4. thu ngoài thu nhập TSTC

Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	66,623,250	-
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	98,000	-
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	2,128,966	-
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	92,087,905	-
Cộng	160,938,121	-

5. Chi phí các dịch vụ

Chi phí môi giới chứng khoán	31,523,328	-
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	2,325,107	-
Chi phí hoạt động tự doanh	940,729,551	-
Chi phí các dịch vụ khác	91,500,003	-
Cộng	1,066,077,989	-

6. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi không kỳ hạn	19,341,442	11,101,200
Cộng	19,341,442	11,101,200

7. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

Chi phí nhân viên quản lý	1,249,031,611	120,000,000
Chi phí công cụ, dụng cụ, văn phòng phẩm	163,711,095	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	1,773,533,148	-
Thuế, phí và lệ phí	3,000,000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,745,748,326	27,178,397
Chi phí bằng tiền khác	27,959,482	163,065,600
Cộng	4,962,983,662	310,243,997

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS

Tầng 10, Tòa nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2020

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25,081,786,155	1,825,773,269
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:	(537,289,847)	-
Cộng: Các khoản chi phí không tính thuế	(537,164,347)	
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(125,500)	-
Cộng: Chuyển lỗ các năm trước	-	1,825,773,269
Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế)	24,544,496,308	-
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4,908,899,262	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính.

VII. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Thành phố Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2020



NGUYỄN NGÔ THỊ THU PHƯƠNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

PHẠM THỊ VÂN
Trưởng phòng kế toán

PHẠM THỊ VÂN
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính